

Số: 52/KHPT-THPL

Pom Lót, ngày 10 tháng 4 năm 2024

## **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025 (NĂM HỌC 2025-2026)**

*Kính gửi: Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên*

Trường Tiểu học xã Pom Lót xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025 (năm học 2025-2026); dự toán ngân sách năm 2025 và kế hoạch tài chính 3 năm (năm 2024-2026) với các nội dung như sau:

### **Phần I. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 (năm học 2023-2024)**

#### **I. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương**

##### *1. Về điều kiện tự nhiên.*

Trường TH xã Pom Lót nằm ở phía tây thành phố Điện Biên, trên trục đường đi Tây Trang. Giao thông đi lại tương đối thuận tiện.

- Tổng diện tích: 12000 m<sup>2</sup>.
- Phía đông: Giáp khu dân cư.
- Phía nam: Giáp đường dân cư đi ra ruộng và khu dân cư thôn 3.
- Phía bắc giáp: Là vườn rau, ao nhà trường, giáp khu dân cư thôn 4.
- Phía tây giáp: Giáp khu dân cư và trường THCS Pom Lót.

##### *2. Tình hình kinh tế - xã hội.*

Hoàn cảnh kinh tế xã hội trên địa bàn xã còn khó khăn, còn nhiều hộ nghèo và tệ nạn xã hội, một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về việc học hành của con em nên chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em mình.

##### *3. Tình hình chung về giáo dục phổ thông của địa phương.*

Trường tiểu học xã Pom Lót là đơn vị được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 năm 2001. Với bề dày thành tích toàn diện trên nhiều lĩnh vực từ dạy và học đến các hoạt động giáo dục khác, nhà trường đã góp phần không nhỏ để xây dựng bảng thành tích giáo dục chung của huyện nhà. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2012, nên các hoạt động đi vào chiều sâu chất lượng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đặc biệt là Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Điện Biên, sự quan tâm của các bậc phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn xã.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà

nước, thực hiện tốt quy chế của ngành, nội qui của trường. Trường có bề dày về thành tích trong giảng dạy, học tập, đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ cho dạy và học đã được bổ sung tương đối đầy đủ.

Trong nhiều năm qua trường đã tạo được uy tín đối với ngành, địa phương, các bậc phụ huynh và xã hội.

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2023 (năm học 2023-2024)**

### **1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **1.1. Hệ thống trường, lớp học.**

Trường Tiểu học xã Pom Lót có 22 lớp với 541 học sinh. Là trường hạng 1, trường duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào tháng 11 năm 2021;

#### **1.2. Quy mô học sinh, tỷ lệ huy động.**

Trường có 22 lớp với 541 học sinh, bình quân 24,6 HS/lớp. Hàng năm nhà trường đều huy động đạt 100% số học sinh trong độ tuổi đến lớp. Tuyển mới học sinh lớp 1 đạt 100% số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã.

Công tác duy trì sĩ số học sinh các năm học đều đạt 100% số học sinh cuối năm, không có học sinh bỏ học giữa chừng. Các lớp chủ nhiệm đều duy trì tốt số lượng học sinh đi học chuyên cần.

#### **1.3. Việc thực hiện các chỉ tiêu giáo dục**

- Tỷ lệ học sinh lớp 1 ra lớp:  $117/117 \text{ em} = 100\%$ .
- Tỷ lệ HS độ tuổi 6-10 tuổi ra lớp:  $541/541 \text{ em}$ .
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn:  $35/35 = 100\%$ .
- Trường đạt các điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Trường đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 ; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

### **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024**

*2.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao một bước hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.*

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý trong giáo dục và quản trị nhà trường, coi trọng quản lý chất lượng, hiệu quả quản trị nhà trường; tăng cường phân cấp, ủy quyền; thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và các địa phương.

Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ toàn Hội đồng trường đúng quy định về số lượng, chất lượng, cơ cấu và thành phần, thúc đẩy tự chủ gắn với trách nhiệm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, quản trị nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc hoàn thiện các thể chế và nâng cao một bước

hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục tại trường. Đổi mới trong công tác quản lý, tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trong trường; Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; quản lý tốt việc cấp phát, sử dụng tài sản trong Nhà trường; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng tài sản ở 22/22 lớp; Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024, kịp thời chỉ đạo đội ngũ khắc phục những tồn tại hạn chế trong việc thực hiện công tác giáo dục.

## *2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục*

Nhà trường chỉ đạo thực hiện dạy chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4 theo Thông tư 32/2018/BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Số HS lớp 1: 04 lớp với 117 em; lớp 2: 5 lớp với 98 em; lớp 3: 5 lớp với 114 em; khối 4: 4 lớp với 118 em. Giáo viên cơ bản nắm chắc phương pháp, hình thức tổ chức lớp học phong phú, hiệu quả, tích cực khai thác các học liệu trên trang [hanhtrango.com.vn](http://hanhtrango.com.vn) và trang OLM của Bộ GD&ĐT để đưa vào bài giảng. Kết quả cuối năm: Học sinh đạt chuẩn và trên chuẩn kiến thức kỹ năng khối lớp, chất lượng học sinh được nâng lên rõ rệt. Học sinh nắm chắc kiến thức, số lượng học sinh hoàn thành tốt nội dung các môn học, lớp học đạt tỉ lệ cao.

*2.3. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.*

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với loại hình nhà trường và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; được tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Vận động, kêu gọi, huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 và đảm bảo điều kiện thực hiện nhiệm vụ của ngành Giáo dục trong bối cảnh các bệnh dịch đang bùng phát.

*2.4. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp:*

- Thuận lợi: Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo có trình độ chuẩn và trên chuẩn cao (đồng chí HT có trình độ Thạc sĩ; còn lại tất cả các đồng chí có trình độ Đại học). Trường có đủ tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

Việc thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục xuyên suốt năm học, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng.

Thực hiện tốt Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh;

Thực hiện kế hoạch lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Điện Biên giai đoạn 1 (2020-2025) ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh: Hiện tại 05 giáo viên vừa hoàn thành lớp Đại học từ xa.

- Hạn chế: Một số giáo viên tuổi nghề cao, khả năng UDCNTT để dạy học Online còn hạn chế.

- Giải pháp khắc phục:

Đổi mới trong việc Tiếp tục tăng cường nhận thức, công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong cho giáo viên.

Xây dựng quy chế làm việc khoa học nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường.

Xây dựng củng cố hoạt động của tổ chuyên môn, nâng cao ý thức tự học, tự sáng tạo của giáo viên trong nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra của Ban giám hiệu và của tổ chuyên môn.

Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình chỉ đạo các phong trào của đơn vị nhà trường.

Chỉ đạo quản lý bằng biện pháp đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng.

*2.5. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo*

- Công tác rà soát, đầu tư, bảo quản CSVC, TBDH để thực hiện chương trình GDPT 2018:

Ngay từ tháng 8, nhà trường tiến hành rà soát CSVC. Thống kê các tài sản đã hư hỏng không sử dụng được, lập danh sách xin thanh lý, các đồ dùng dụng cụ học nhẹ, có khả năng còn tái sử dụng được nhà trường tiến hành cho sửa chữa, tôn tạo. Tham mưu Phòng GD&ĐT đầu tư, trang cấp các thiết bị còn thiếu, đảm bảo phục vụ công tác dạy và học chương trình GDPT 2018.

- Công tác lựa chọn SGK lớp 1, 2, 3, 4 CTGDPT 2018:

Nhà trường đã tổ chức cho tập thể giáo viên nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về chương trình GDPT 2018, cụ thể:

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Bộ GD&ĐT

Hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên.

Nhà trường lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4 theo đúng quy trình lựa chọn sách giáo khoa theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT; thông tư 25/2020/TT-BGDĐT.

*2.6. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước và của địa phương đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đối với học sinh: Có biểu chi tiết kèm theo.*

*2.7. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/2019/NQ-CP và công tác xã hội hóa giáo dục: Có biểu chi tiết kèm theo.*

### **3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả tối đa, một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về giáo dục và đào tạo. Đôi lúc sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn mang tính phong trào, hình thức.

Còn nhiều gia đình kinh tế khó khăn, chưa quan tâm đến việc học của con em, còn phó mặc cho nhà trường nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục.

## **III. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, ước thực hiện năm 2025**

### **1. Đánh giá thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp**

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu năm 2024, ước thực hiện năm 2025: Có biểu chi tiết kèm theo.

### **2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách giáo dục và đào tạo tại địa phương**

#### **Năm 2023 ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo:**

Lập dự toán: 7.168.302.544 đồng

Phân bổ quản lý sử dụng dự toán: 7.168.302.544 đồng

Tổng số chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo: 7.168.302.544 đồng

Trong đó: Chi thường xuyên: 7.138.302.544 đồng

Chi không thường xuyên: 41.720.000 đồng

Lương và các khoản phụ cấp cấp đủ cho sự nghiệp giáo dục

Khó khăn khoản chi khác ngân sách nhà nước cấp chưa đủ 10%

#### **Năm 2024 ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo:**

Lập dự toán: 7.206.996.568 đồng.

Phân bổ quản lý sử dụng dự toán: 7.206.996.568 đồng.

Tổng số chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo: 7.206.996.568 đồng.

Trong đó: Chi thường xuyên: 6.990.330.568 đồng.

Chi không thường xuyên: 216.666.000 đồng.

Lương và các khoản phụ cấp cấp đủ cho sự nghiệp giáo dục.

### **3. Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho GDDT**

#### **a) Tình hình phân bổ ngân sách**

- Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục:

Thuận lợi: Đại đa số nhân dân quan tâm đến giáo dục, ủng hộ cho công tác giáo dục xã nhà.

Khó khăn: Một bộ phận nhân dân điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nên việc huy động xã hội hóa giáo dục còn nhiều khó khăn.

b) Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo về số đối tượng thụ hưởng và kinh phí chi trả gồm:

Công tác triển khai, thực hiện các chính sách đối với cơ sở :

Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính;

Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Các chế độ chính sách trên đảm bảo cho việc học học tập của học sinh học tại vùng khó khăn, tồn tại ngân sách cấp trong năm chưa được kịp thời, cấp trong năm còn thiếu phải nợ lại sang năm khác .

#### **c) Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án năm 2023**

- Thực hiện tốt *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ...*);

- Tuyên truyền tới phụ huynh học sinh về Chương trình GDPT 2018 giúp nâng cao nhận thức của nhân dân về lộ trình thực hiện chương trình GDPT, từ đó nhân dân đồng thuận với nhà trường về Kế hoạch giáo dục sẽ được triển khai. Kêu gọi nhân dân tự mua sách giáo khoa cho con em mình học tập.

d) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, tăng cường cơ sở vật chất sử dụng kinh phí sự nghiệp tại địa phương (*tiến độ, kết quả, khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học*).

- Nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp trên mua sắm đầy đủ trang, thiết bị dạy học chương trình GDPT 2018.

**4. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất về cơ chế chính sách trong quản lý đầu tư, tài chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo:** Không.

## **Phần 2**

### **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

#### **I. Thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo**

##### **1. Các chỉ tiêu được giao năm 2024 (năm học 2024-2025)**

- Kế hoạch giao: 39 biên chế; tổng số 22 lớp với 541 học sinh. Cụ thể:

+ Khối 1: 4 lớp với 117 học sinh.

+ Khối 2: 5 lớp với 98 học sinh.

+ Khối 3: 5 lớp với 114 học sinh.

+ Khối 4: 4 lớp với 118 học sinh.

+ Khối 5: 4 lớp với 94 học sinh.

##### **2. Dự ước kết quả thực hiện**

+ Khối 1: 4 lớp với 117 học sinh.

+ Khối 2: 5 lớp với 98 học sinh.

+ Khối 3: 5 lớp với 114 học sinh.

+ Khối 4: 4 lớp với 118 học sinh.

+ Khối 5: 4 lớp với 94 học sinh.

#### **II. Dự ước tình hình thu chi ngân sách giáo dục năm 2025**

##### **1. Dự toán chi thường xuyên**

Lập dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025 trên cơ sở hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước, trong đó dự toán chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương tính theo mức lương tối thiểu và chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo dục và đào tạo đã ban hành.

Trên cơ sở định mức trên, bảo đảm chi đúng, chi đủ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) và chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

##### **2. Chi đầu tư phát triển cho giáo dục đào tạo.**

Lập dự toán chi đầu tư phát triển năm 2025 xây dựng trên cơ sở hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, gắn chặt với quy hoạch mạng lưới trường lớp và cơ sở vật chất hiện có, dự toán nhu cầu chi vốn đầu tư phát triển để xây dựng, sửa chữa trường, lớp học, phòng học và các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy.

### **Phần 3**

## **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 3 NĂM 2024-2026, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030**

### **I. Kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm 2025 (năm 2025-2026)**

#### **1. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

Căn cứ xây dựng kế hoạch là các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến tỉnh, huyện về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục-đào tạo và dạy nghề hàng năm, bao gồm:

- Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3243/KH-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Văn bản số 143-TB/BCS ngày 19/9/2019 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về chủ trương sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- Kế hoạch số 1879/KH-SGDĐT ngày 24/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/03/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 2235/KH-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Các mục tiêu, chỉ tiêu giáo dục chủ yếu đến năm 2025 của ngành Giáo dục và Đào tạo trình Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV, đối với giáo dục tiểu học gồm: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 75%; tỷ lệ trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trên 70%. Duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. Đến năm 2023 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Trên 75% phòng học kiên cố hóa và 70% phòng nội trú được kiên cố hóa;

- Chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục (tại Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND

tỉnh), gồm: Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt trên 99,0%; Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99,0%; Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi đạt trên 95%; Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi đạt trên 90%; Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, THCS, THPT đạt trên 48%;

- Các chỉ tiêu cơ bản phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên (tại Văn bản số 3117/SGDDĐT-KHTC ngày 25/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo), gồm: Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học đạt 101,2%; Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học tiểu học dưới 0,2%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt trên 97%; Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên THCS đạt 99,9%; Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp THCS đạt 100,6%; Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS dưới 3,6%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS đạt trên 99,2%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 94,7%; Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại, cung cấp các kiến thức về HIV đạt 100%; Tỷ lệ trường có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với trẻ em khuyết tật đạt 6% đối với trường mầm non, đạt 70% đối với trường Tiểu học, đạt 65% đối với trường THCS, đạt 65% đối với trường THPT; Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 97,5%; Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ mức độ 1 đạt 50%, mức độ 2 đạt 40%.

## **2. Xây dựng các chỉ tiêu phát triển giáo dục**

### **a. Mục tiêu**

- Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ đối với CBGV nhà trường. Xây dựng nhà trường phát triển về chất lượng. Đảm bảo tốt các điều kiện dạy học; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Xây dựng nhà trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, điển hình, phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành, của huyện, tỉnh của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

- Huy động trẻ trong độ tuổi của xã đến trường đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt 99% trở lên;

### **b. Chỉ tiêu**

- Huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt 99% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: Không

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là 100%, trong đó tỷ lệ cán bộ, giáo viên trên chuẩn là 4,8%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý (từ tổ phó tổ chuyên môn trở lên) đã qua đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý đạt 100%.

- Cải tạo nâng cấp, tôn tạo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, cảnh quan, môi trường đảm bảo duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phân đầu tỷ lệ học sinh Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập đạt trên 25%; tỷ lệ học sinh có thành tích vượt trội và học sinh tiêu biểu về một môn học trên 47%.

### **c. Nhiệm vụ**

- Huy động 100% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Duy trì số lượng HS đạt 100%. Huy động các nguồn lực các biện pháp nhằm làm tốt công tác tuyển sinh, huy động và duy trì số lượng học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có HS bỏ học giữa chừng trong năm học.

*\* Nâng cao chất lượng Giáo dục và đào tạo :*

- Hoàn thành chương trình lớp học 99% trở lên.

- Hoàn thành chương trình tiểu học 100%.

*\* Phân đầu khen thưởng cuối năm toàn trường đạt như sau:*

- HS hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: trên 25%

- HS có thành tích vượt trội, tiêu biểu trên 47%

- Khen thưởng HS có thành tích trong các hoạt động phong trào 7%

*\* Chất lượng đội ngũ :*

Tổng số CBGVNV là 38: CBQL 02; Giáo viên: 33; Nhân viên: 03 (01 Thư viện thiết bị, 01 phục vụ, 01 bảo vệ).

- Tăng cường công tác GD tư tưởng đội ngũ: Về phẩm chất đạo đức, lối sống. Tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm, khả năng quản lý chỉ đạo đơn vị.

- GV giỏi các cấp: 31/33 tỷ lệ 93,9%.

- Số đề tài sáng kiến công nhận cấp huyện: từ 05 đề tài trở lên.

- 100% giáo viên được đánh giá hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên từ đạt yêu cầu trở lên

- 100% cán bộ, giáo viên được đánh giá đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- 100% CBGVNV sử dụng CNTT và 100% tham gia giờ dạy UDCNTT.

- 100% GV tham gia giờ dạy UDCNTT.

- CB quản lý tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng quản lý giáo dục đạt 100%.

- Tăng cường phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi giảm tỷ lệ học sinh chưa đạt chuẩn KTKN.

- Tăng cường giáo dục phẩm chất, giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành. Phân đầu xếp loại xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”; Trường học đảm bảo an toàn, an ninh trật tự.

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp, tôn tạo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, cảnh quan môi trường duy trì tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.
- Huy động các nguồn lực từ công tác xã hội hóa dành cho đầu tư phát triển nhà trường.

*\*. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, xây dựng cảnh quan môi trường; xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng:*

- Tiếp tục tham mưu với các cấp tu sửa, tôn tạo cơ sở vật chất cho nhà trường, sửa chữa nâng cấp đường điện, đầu tư thêm máy tính, máy chiếu, máy photo, tăng âm loa đài, trang thiết bị hạ tầng để phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Cấp phát bộ đồ dùng thiết bị đồng bộ cho các khối lớp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*\* Công tác Phổ cập giáo dục Tiểu học, xóa mù chữ*

- Duy trì các chỉ tiêu đạt chuẩn Phổ cập GDTH mức độ 3 và Xóa mù chữ mức 2 ở mức vững chắc.
- Thực hiện điều tra và cập nhật số liệu phổ cập hàng năm theo quy định của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.
- Hoàn thành hồ sơ đề nghị duy trì chuẩn phổ cập GDTH. Huy động 100% số trẻ trong độ tuổi ra lớp.

*\*. Đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ :*

- Tạo điều kiện cho giáo viên tiếng Anh được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.
- Tiếp tục thực hiện chương trình Tiếng Anh bắt buộc 4 tiết/tuần (đối với HS lớp 3, 4, 5) và 2 tiết/tuần Tiếng Anh tự chọn (đối với HS lớp 1, 2).
- Sử dụng có hiệu quả phòng học ngoại ngữ, tích cực UDCNTT vào giảng dạy, dạy học theo hướng phân hóa, phát huy tích cực của người học, chú trọng cả 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Khuyến khích HS tham gia các cuộc thi Tiếng Anh trên mạng để nâng cao kiến thức, kỹ năng môn học. Chất lượng đại trà luôn được quan tâm và 99% số học sinh đạt chuẩn KT-KN môn học.

*\* Công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo*

- Tiếp tục huy động các nguồn lực từ nhân dân để tu sửa, cải tạo cảnh quan trường lớp. Phân đấu đạt trên 200 triệu đồng/ năm.
- Sử dụng quỹ thi đua khen thưởng hiệu quả nhằm khích lệ, động viên HS điển hình tiên tiến.

*\*. Công tác thông tin, truyền thông*

Tiếp tục sử dụng có hiệu quả mạng hồ sơ công việc, gmail trong công tác

quản lý điều hành công việc. Trang Webster của nhà trường thường xuyên được đăng tin, bài về các hoạt động của nhà trường, bài giảng trình chiếu, sản phẩm UDCNTT, bài giảng Elearning, đề tài sáng kiến ... nhằm chia sẻ thông tin, học tập về chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, giới thiệu các hoạt động, chất lượng của nhà trường ...

*\* Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên*

- Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về chế độ chính sách đối HS con hộ nghèo, HS khuyết tật đảm bảo đúng đối tượng.

- Đảm bảo chế độ tiền lương, tăng lương sớm, tăng lương định kì, thâm niên và các chế độ khác nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời đúng quy định của Nhà nước.

### **3. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của địa phương, của ngành giáo dục năm học 2025-2026**

#### **3.1. Phương hướng**

Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp, huy động tối đa học sinh ra lớp, đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo.

Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đặc biệt quan tâm nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho giáo viên nòng cốt trong nhà trường.

Duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng phổ cập GDTH - CMC, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập XMC mức độ 2.

#### **3.2. Chỉ tiêu**

Năm học 2025-2026, toàn trường với 20 lớp và 516 học sinh, trong đó:

- + Khối 1: 3 lớp với 91 học sinh.
- + Khối 2: 4 lớp với 95 học sinh.
- + Khối 3: 4 lớp với 116 học sinh.
- + Khối 4: 4 lớp với 101 học sinh.
- + Khối 5: 5 lớp với 113 học sinh.

Tỷ lệ huy động dân số 6 tuổi vào lớp 1(91/91 em đạt 100%); 6-10 tuổi học tiểu học đạt 100%.

Nhà trường duy trì và giữ vững PCGDTH mức độ 3, phổ cập GDXMC mức độ 2.

Duy trì và tiếp tục xây dựng các tiêu chí trường đạt Kiểm định CLGD cấp độ III; trường duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II; Thư viện nhà trường duy trì Thư viện nhà trường Tiên tiến.

Duy trì phát triển và mở rộng quy mô trường lớp, tăng cường các biện pháp huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 (đặc biệt quan tâm đến trẻ em nữ dân tộc). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình GDPT 2018.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học nhằm phát huy khả năng sáng tạo, kích thích học tập, tạo điều kiện để

mọi học sinh được bộc lộ khả năng và năng lực của bản thân. Tạo điều kiện thuận lợi để trẻ khuyết tật được học tập theo hình thức giáo dục hòa nhập.

Tiếp tục duy trì dạy học 2 buổi/ngày, tăng cường dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, tăng cường kiểm tra, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng của giáo viên.

Thực hiện dạy và học ngoại ngữ, tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3,4,5.

Duy trì đảm bảo sĩ số học sinh, phối hợp tốt với chính quyền địa phương huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp.

Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phổ biến tài liệu hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học, đưa nội dung đổi mới phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm trong sinh hoạt chuyên môn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy và quản lý.

### **3. Nhiệm vụ:**

Tham mưu với Phòng giáo dục tiếp tục đầu tư, hoàn thiện trang thiết bị dạy học, trong đó tập trung đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo các chỉ tiêu trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

## **II. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025 và Kế hoạch tài chính 3 năm 2024-2026, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2025-2030**

(Có biểu đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025 (Năm học 2025-2026) của trường TH xã Pom Lót. Nhà trường rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của UBND xã Pom Lót, Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên để trường tiểu học xã Pom Lót thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã đề ra./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (B/cáo);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Thu**